

Bản án số: 42/2019/DS-ST

Ngày: 13-12-2019

V/v “*Tranh chấp
chia di sản thừa kế*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn T Vân

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Lâm Giang

2. Ông Giáp Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương T Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn T Bộ- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2018/TLST- DS ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2019/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 149/2019/QĐST ngày 27 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

* *N đơn: Bà Bùi T H, sinh năm 1969 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Bãi Dinh, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của N đơn: Ông Nguyễn Đình H - Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Đình H, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (vắng mặt khi tuyên án).

* *Bị đơn: Bà Thân T M, sinh năm 1940 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Làng Sai, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn T H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Bùi Văn C, sinh năm 1979 (vắng mặt)

- Chị Nguyễn T P, sinh năm 1979 (vắng mặt)

- Anh Bùi Văn H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

- Chị Lê T L, sinh năm 1978 (vắng mặt)
- Chị Bùi T N, sinh năm 1977 (vắng mặt)
- Đều cư trú: Thôn Làng Sai, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Chị Bùi T N, sinh năm 197 (vắng mặt)
- Nơi cư trú: Thôn Trung Tiến, xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Bà Bùi T NĐ, sinh năm 1960 (vắng mặt)
- Nơi cư trú: Thôn Làng Tón, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Bà Bùi T L, sinh năm 1963 (vắng mặt)
- Nơi cư trú: Thôn Làng Nành, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Bà Bùi Xuân T, sinh năm 1968 (vắng mặt)
- Nơi cư trú: Xóm Xàm, xã Tam Tiến, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;
- Ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1965 (vắng mặt)
- Anh Bùi Văn H, sinh năm 1977 (vắng mặt)
- Đều cư trú: Thôn T, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;
- Chị Bùi T H, sinh năm 1974 (vắng mặt)
- Nơi cư trú: Thôn Đồi Chùa, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 30 tháng 12 năm 2017, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, biên bản H giải thì N đơn là bà Bùi T H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 425, tờ bản đồ số 09 có diện tích 360m² đất ở và 990m² đất vườn mang tên giấy chứng nhận bà Thân T M là của bố bà là ông Bùi Văn Tịnh, sinh năm 1948. Năm 1967 thì bố bà lấy bà Thân T M và ở trên mảnh đất này, năm 1968 ông Tịnh đi nhập ngũ, đến năm 1972 thì hy sinh có giấy báo tử. Ngày 10/11/1995 thì mẹ bà là bà Thân T M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất trên và mang tên bà Thân T M. Lúc này thì bà đã đi lấy chồng vào năm 1986. Vào năm 1979 thì mẹ bà chung sống với ông Bùi Ngọc Khánh có sinh được 04 người con là Bùi T N, Bùi T N, Bùi Văn H, Bùi Văn C đều ở thôn Làng Sai, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang và hiện nay mẹ bà vẫn sinh sống trên thửa đất này. Năm 1995 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M thì bà không biết vì khi đó bà đã đi lấy chồng. Tài sản trên đất thời điểm đó có 03 gian nhà cấp bốn và công trình phụ, không có cây cối gì trên đất. Hiện nay bà M đã xây lại T 05 gian nhà mới, thời điểm xây năm bao nhiêu thì bà không nhớ. Bà xác định đây là tài sản chung của bà M và ông Tịnh khi còn sống nên bà đề nghị Tòa án xem xét buộc bà Thân T M phải có nghĩa vụ trích chia cho bà phần đất của ông Tịnh. Bà chỉ yêu cầu trích chia đất còn các tài sản trên đất hiện nay bà không yêu cầu. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế do bố bà là ông Bùi Văn Tịnh để lại là ½ diện tích đất gồm 360m² đất ở và 990m² đất vườn tại thửa số 425, tờ bản đồ số 09, địa chỉ thửa đất tại Làng Sai, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay bà H có mặt và vẫn giữ N yêu cầu khởi kiện trên và ủy quyền trình bày tại phiên tòa cho ông Nguyễn Đình H.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2018 bị đơn là bà Thân T M trình bày:*

Năm bà 12 tuổi có tảo hôn với ông Bùi Văn Tịnh, sinh năm 1948 là con nuôi của ông Cánh Gián, bà lấy ông Tịnh năm bao nhiêu thì bà không nhớ rõ và sinh được một người con chung là Bùi T H, sinh năm 1969. Đến năm 1972 ông Tịnh hy sinh, khi đó bà H được khoảng 3 tuổi, đến khi bà H được khoảng 10 tuổi thì bà đi bước nữa và lấy ông Bùi Ngọc Khánh là con đẻ của ông Cánh Gián. Về nguồn gốc thửa đất số 425, tờ bản đồ số 09 có diện tích 360m² đất ở và 990m² đất vườn cấp giấy chứng nhận mang tên Thân T M là do bố mẹ của ông Khánh là ông Cánh Gián để lại, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/11/1995. Lý do giấy chứng nhận mang tên bà là do ông Bùi Ngọc Khánh đi công tác, không thể xuyên ở nhà nên mọi việc đều do bà đứng tên. Khi bà lấy ông Khánh thì bà sinh được 04 người con là Bùi T N, Bùi T N, Bùi Văn C, Bùi Văn H. Nay bà H có đơn yêu cầu khởi kiện chia di sản của ông Tịnh thì bà không đồng ý vì ông Tịnh không để lại cho bà mảnh đất nào, ông Tịnh chỉ là con nuôi của ông Cánh Gián.

Tại phiên tòa hôm nay bà Thân T M vắng mặt.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2018 chị Bùi T N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Chị là con của ông Bùi Văn Khánh và bà Thân T M. Trước khi lấy bố chị thì bà M đã kết hôn với ông Bùi Văn Tịnh là con nuôi của ông bà nội chị nhận nuôi từ khi còn nhỏ. Khi mẹ chị và ông Tịnh về chung sống với nhau thì có được ông nội cho ở cùng trên đất của ông bà. Mẹ chị và ông Tịnh chỉ sinh được 01 người con chung là bà H. Sau khi ông Tịnh tham gia kháng chiến và hy sinh, chị không rõ năm nào thì mẹ chị tái hôn với ông Khánh. Sau khi bố mẹ chị về sinh sống với nhau thì được ông bà cho ở riêng trên đất của ông bà. Sau khi bà nội chị mất thì ông nội chị vẫn ở riêng, đến khi già yếu mới về ở với mẹ chị. Trước khi chết ông nội chị để lại toàn bộ đất đai của ông bà cho bố mẹ chị nhưng chỉ cho bằng miệng. Sau đó mẹ chị mới lên thôn, xã để kê khai và được cấp giấy chứng nhận mang tên bà M. Chị không rõ mẹ chị được cấp giấy chứng nhận năm nào, cũng không rõ ông bà nội chị mất năm nào. Chị ở cùng bố mẹ đến năm 1997 thì đi lấy chồng về thôn Trung Tiến, xã Song Vân sinh sống cho đến nay. Quá trình sinh sống cùng bố mẹ, chị cùng các anh chị em có đóng góp công sức xây dựng ngôi nhà 5 gian lợp ngói mà mẹ chị đang ở hiện nay. Diện tích đất mà mẹ chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm đất ở, đất vườn, đất canh tác. Riêng phần đất ở và đất vườn hiện do mẹ chị cùng gia đình anh C, chị N, anh H quản lý, sử dụng. Nay chị không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H về việc chia thừa kế diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận cho bà M tại thôn Làng Sai, xã Ngọc Vân. Lý do vì theo chị diện tích đất mà bà H yêu cầu chia là tài sản của mẹ chị và bố chị là ông Khánh. Nay bố chị đã mất thì các anh chị em và chị là những người con đẻ của ông

Khánh là người có quyền đối với diện tích đất này. Ông Tịnh đã hy sinh từ thời chống Mỹ, khi ông Tịnh ở cùng mẹ chị chỉ được ông bà cho ở cùng trên đất chứ chưa cho đất. Bản thân chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án này, cũng không yêu cầu chia di sản thừa kế do bố chị là ông Khánh để lại. Chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về công sức đóng góp của chị trong khối tài sản là nhà 05 gian mà mẹ chị đang ở. Chị đồng ý để mẹ chị và gia đình anh C, anh H, chị N tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất và tài sản trên đất mà họ hiện đang quản lý tại thôn Làng Sai, xã Ngọc Vân.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2018 anh Bùi Văn C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Anh là con của bà Thân T M và ông Bùi Ngọc Khánh. Bà Bùi T H là chị cùng mẹ khác cha với anh. Hiện nay vợ chồng anh đang sinh sống cùng mẹ anh tại thửa đất của mẹ anh tại thôn Làng Sai, xã Ngọc Vân. Về nguồn gốc thửa đất mà bà H yêu cầu chia tại thửa đất số 425, tờ bản đồ số 09 tại thôn Làng Sai là đất do ông bà nội là cụ Cánh Gián để lại cho bố mẹ anh. Trước khi lấy bố anh, mẹ anh là bà M đã lập gia đình với ông Bùi Văn Tịnh, sau khi ông Tịnh hy sinh thì mẹ anh tái hôn với bố anh là ông Khánh và sinh được 4 người con là N, anh, H, N. Mẹ anh và ông Tịnh chỉ có 01 người con chung là bà Bùi T H. Ông Tịnh là con nuôi của ông nội anh, anh không nhớ rõ ông Tịnh được nhận nuôi từ năm nào. Khi ông Tịnh lấy mẹ anh thì được ông nội cho ở cùng trên đất của ông bà chứ chưa cho đất. Sau khi ông Tịnh hy sinh thì mẹ anh lấy bố anh là ông Khánh thì mới được ông bà nội cho diện tích đất hiện nay. Bố mẹ cùng các anh chị em anh sinh sống ổn định trên đất này, ngày 10/11/1995 thì mẹ anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi mẹ anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bố anh đang công tác tại địa phương nhưng để tránh tranh chấp với anh em họ hàng thì bố anh để mẹ anh đứng tên kê khai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà H yêu cầu chia thừa kế diện tích đất trên, quan điểm của anh là không đồng ý chia thừa kế. Lý do vì diện tích đất này là đất của ông bà để lại cho bố mẹ anh. Ông Tịnh chỉ là con nuôi của ông bà anh, khi ông Tịnh lấy mẹ anh thì ông bà chỉ cho ở cùng trên đất chứ chưa cho đất và ông Tịnh đã hy sinh từ năm 1972. Năm 1995 Nhà nước đã công nhận quyền sử dụng đất cho mẹ anh. Như vậy, ông Tịnh không có quyền gì đối với thửa đất trên và bà H yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ.

Hiện nay trên diện tích đất mà bà H yêu cầu chia có các tài sản như nhà ở, công trình phụ, tường bao, sân gạch, trụ cổng, vườn của 3 gia đình, gia đình anh và vợ anh Nguyễn T P, gia đình em trai anh là Bùi Văn H và vợ là L, gia đình chị anh là Bùi T N chồng là anh Bốn đã chết, ngoài ra không có gia đình nào khác. Bố anh là ông Khánh đã chết năm 2017, khi chết không để lại di C. Nay anh không yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất và tài sản mà bố anh là ông Khánh để lại. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay anh Bùi Văn C vắng mặt.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi T N trình bày:*

Chị là con của ông Khánh và bà M. Chị ở cùng bố mẹ từ khi sinh ra đến khi lấy chồng vẫn được bố mẹ cho ở riêng trên đất của bố mẹ cho đến bây giờ. Chị được biết diện tích đất mà hiện nay bà H yêu cầu chia thừa kế là có nguồn gốc do ông bà nội chị để lại. Chị không rõ mẹ chị được cấp giấy chứng nhận năm nào chỉ biết là đã cấp giấy chứng nhận đứng tên bà M. Chị xác định diện tích đất tại thửa 425 tờ bản đồ số 09 tại thôn Làng Sai, xã Ngọc Vân là đất thuộc quyền sử dụng của bố mẹ chị là ông Khánh, bà M. Bà H là con riêng của mẹ chị với ông Tịnh, ông Tịnh đã hy sinh từ rất lâu rồi, bà H không có quyền gì đối với đất trên. Chị không đồng ý với yêu cầu chia của bà H. Hiện chị đang quản lý sử dụng một phần đất trong tổng diện tích đất mà mẹ chị được cấp giấy chứng nhận. Trên đất có các công trình xây dựng và tài sản trên đất. Chị không yêu cầu chia thừa kế đối với di sản mà bố chị là ông Khánh để lại. Chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay chị Bùi T N vắng mặt.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Văn H trình bày:*

Anh là con của ông Khánh và bà M, anh sinh sống cùng bố mẹ đến năm 2002 thì lập gia đình và được bố mẹ cho ở riêng trên đất của bố mẹ cho đến nay. Diện tích đất mà bà H yêu cầu chia có nguồn gốc đất của ông bà nội anh ở từ xưa. Anh được biết ông bà để lại cho bố mẹ anh là ông Khánh, bà M thừa đất này và mẹ anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không biết cụ thể là năm nào. Anh xác định toàn bộ diện tích đất này là thuộc quyền sử dụng của bố mẹ anh là ông Khánh, bà M. Bà H là con riêng của mẹ anh với ông Tịnh, ông Tịnh đã hy sinh từ lâu từ trước khi mẹ anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Tịnh, bà H đều không có quyền gì đối với thửa đất trên. Hiện vợ chồng anh đang quản lý sử dụng một phần đất trong tổng diện tích đất mà mẹ chị được cấp giấy chứng nhận. Vợ chồng anh có kiến thiết xây dựng một số công trình trên đất đó. Nay anh không yêu cầu chia thừa kế đối với di sản mà bố anh là ông Khánh để lại và anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay anh Bùi Văn H vắng mặt.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê T L, chị Nguyễn T P trình bày:*

Các chị là vợ của anh Bùi Văn C, anh Bùi Văn H. Các chị đồng ý với ý kiến của anh C và anh H là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất mà bà M đã được cấp giấy chứng nhận và đang quản lý, sử dụng. Các chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì trong vụ án này.

** Tại các bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Xuân T, anh Bùi Văn H, chị Bùi T H, bà Bùi T L, bà Bùi T ND, ông Bùi Ngọc T trình bày:*

Các ông, bà, anh, chị là con của ông Bùi Ngọc Khánh. Về yêu cầu khởi kiện của bà H đề nghị chia thừa kế thừa đất tại thôn Làng Sai, xã Ngọc Vân thì các ông, bà, anh, chị không đồng ý vì đất này không phải là di sản thừa kế của ông Tịnh để lại. Nguồn gốc đất là của ông Cánh Gián để lại. Các ông, bà, anh, chị không đề nghị chia thừa kế đối với di sản mà ông Khánh để lại và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của N đơn bà H là ông Nguyễn Đình H trình bày:*

Nguồn gốc thừa đất bà H yêu cầu chia là của ông Cánh Gián. Năm 1967, bố bà H là ông Bùi Văn Tịnh lấy bà Thân T M, hai ông bà đã sinh sống trên đất này. Năm 1968 ông Tịnh nhập ngũ và hi sinh năm 1972, bà H sinh ra và lớn lên trên đất này cùng mẹ, năm 1986 bà H đi lấy chồng thì bà M vẫn ở trên thừa đất đó cho đến nay. Từ khi sinh ra đến khi trưởng T, bà M cũng không bán và không mua thêm diện tích đất nào, bà M và ông Tịnh chỉ có mình bà H là con chung, không có người con nào khác. Theo giấy chứng nhận cấp cho bà M ngày 10/11/1995 tại thừa đất số 425, tờ bản đồ số 09, diện tích 360m² đất ở và 990m² đất vườn tại thôn Làng Sai, xã Ngọc Vân đây là tài sản chung của bố mẹ bà H, khi ông Tịnh hy sinh sau đó bà M đi bước nữa. Khi bà H ở với mẹ thì trên đất gồm 01 ngôi nhà bốn gian cấp 4 và các công trình phụ khác. Nhưng hiện nay bà M đã phá đi làm lại nhà khác trên đất này. Bà H yêu cầu chia tài sản chung của ông Tịnh và bà M, buộc bà M phải trích chia cho bà H phần đất của ông Tịnh được hưởng tại thừa đất số 425, tờ bản đồ số 09, diện tích 360m² đất ở và 990m² đất vườn ở thôn Làng Sai, xã Ngọc Vân. Bà H có đính chính tại phiên tòa là tại đơn khởi kiện và bản tự khai, các lời khai trước là yêu cầu chia thừa đất 427, tờ bản đồ số 09 là do nhầm lẫn, bà đính chính lại là yêu cầu chia thừa đất số 425, tờ bản đồ số 09.

Ông H đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo Nghị quyết số 02/2004/HĐTP Tòa án nhân dân tối cao ngày 10/8/2004 hướng dẫn giải quyết các vụ việc dân sự, căn cứ Bộ luật dân sự và Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, chia ½ tài sản chung của bố mẹ để lại cho bà Thân T M được hưởng, còn ½ đất của ông Tịnh chia cho bà Thân T M và bà Bùi T H theo quy định của pháp luật.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà M là bà Nguyễn T H trình bày:*

Thừa đất số 425, tờ bản đồ số 09, diện tích 360m² đất ở và 990m² đất vườn, vị trí thừa đất tại thôn Làng Sai, xã Ngọc Vân mà bà Thân T M đang đứng tên năm 1995 có nguồn gốc của bố chồng là ông Cánh Gián, ông Cánh Gián là bố nuôi của ông Bùi Văn Tịnh và bố đẻ của ông Bùi Ngọc Khánh. Ông Tịnh không có tài sản để lại vì ông Tịnh chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà H đề nghị căn cứ diện tích đất trên được đo đạc hiện trạng hiện nay có

tổng diện tích là 1420,7m² tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 56 trong đó 360m² đất ở và 1006,7m² đất vườn. Về yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Bùi T H là không có căn cứ vì: Bà H là con gái duy nhất của ông Tịnh, bà M. Năm 1968 ông Tịnh nhập ngũ và hi sinh năm 1972, không để lại di C. Khi ông Tịnh hy sinh bà M nuôi bà H, khi bà H được 10 tuổi thì bà M lập gia đình với ông Khánh và sinh được 04 người con chung, hiện đang sinh sống tại thửa đất tranh chấp. Năm 1986 bà H đi lấy chồng chuyển khẩu về thôn Bãi Dinh, xã Ngọc Thiện. Căn cứ đoạn 2, điểm a, mục 1 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân, quyền sử dụng đất được giao không phải là quyền sở hữu về tài sản của công dân nên không thể trở T di sản khi công dân chết. Năm 1972 ông Tịnh hy sinh thì diện tích đất trên không phải là di sản thừa kế. Nên bà H có yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Tịnh ½ thửa đất số 425, tờ bản đồ số 09, diện tích 360m² đất ở và 990m² đất vườn ở thôn Làng Sai, xã Ngọc Vân là không có cơ sở pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

* Kiểm sát viên, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký phiên tòa là đảm bảo. Hồ sơ giải quyết vụ án là chưa đảm bảo, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử; Việc chấp hành của N đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho N đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chưa đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 623 Bộ luật dân sự, Điều 2 Luật đất đai năm 1993, điểm a mục 1 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, khoản 3 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử xử:

- Về quan hệ tranh chấp: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn bà H về yêu cầu chia thừa kế đối với bị đơn bà Thân T M ½ thửa đất số 427, tờ bản đồ số 09 có diện tích 360m² đất ở và 990m² đất vườn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà là Thân T M.

- Về Chi phí thẩm định, định giá, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp chia di sản thừa kế giữa bà Bùi T H và bà Thân T M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 5 Điều

26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là bà Thân T M và toàn bộ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3]. Về thời hiệu khởi kiện và pháp luật áp dụng:

* Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 và tại khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế số 44 ngày 30/8/1990 có quy định: *“Đối với các việc thừa kế đã mở trước ngày ban hành Pháp lệnh này thì thời hạn quy định được tính từ ngày công bố Pháp lệnh này”*. Như vậy, thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà H vẫn còn.

* Về pháp luật áp dụng: Do ông Tịnh chết năm 1972 và thừa đất tranh chấp chia thừa kế được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật đất đai năm 1993, Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và các văn bản hướng dẫn về thừa kế để xem xét yêu cầu khởi kiện của N đơn bà H.

[4] Về nguồn gốc thừa đất: Tại các biên bản làm việc với Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên, Ủy ban nhân dân xã Ngọc Vân, Trưởng thôn Làng Sai và các đương sự trong vụ án đều thừa nhận thừa đất đang tranh chấp chia thừa kế có nguồn gốc của cụ Cánh Gián để lại. Sau khi được cho đất thì bà M, ông Khánh đã làm thủ tục kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Thân T M năm 1995 và bà M đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay.

[5] Về yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà H thì thấy:

* Về mối quan hệ của người yêu cầu chia di sản thừa kế: Bà Thân T M và ông Bùi Văn Tịnh sinh sống với nhau từ năm 1967 và năm 1969 sinh được một người con chung là bà Bùi T H. Như vậy, có căn cứ xác định bà M và ông Tịnh là vợ chồng theo Luật hôn nhân gia đình năm 1959. Bà H là con chung của ông Tịnh và bà M. Sau khi ông Tịnh chết thì bà H là thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất của ông Tịnh có quyền khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Tịnh để lại nếu có.

* Về nguồn gốc thừa đất số 425, tờ bản đồ số 09, diện tích là 1350m² trong đó 360m² đất ở và 990m² đất vườn, vị trí thừa đất tại thôn Làng Sai, xã Ngọc Vân cấp giấy chứng nhận mang tên bà Thân T M ((Nay là thừa đất số 134, tờ bản đồ số 06, diện tích 1420,7m² trong đó 360m² đất ở và 1006,7m² đất vườn tại thôn Làng Sai, xã Ngọc Vân). Qua xác minh cũng như các đương sự trong vụ án đều thừa nhận là đất của cụ Cánh Gián để lại. Sau khi ông Tịnh và bà M ở với nhau thì ông Cánh Gián đã cho bà M và ông Tịnh sinh sống trên đất này. Năm 1972 ông Tịnh

hy sinh, bà M lấy ông Khánh vẫn tiếp tục sinh sống trên thửa đất trên. Sau khi Cụ Cánh Gián chết đã để lại toàn bộ diện tích đất cho ông Khánh và bà M.

Ngày 10/11/1995 bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Theo biên bản làm việc với Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên, Ủy ban nhân dân xã Ngọc Vân, Trưởng thôn Làng Sai thì nguồn gốc đất là của ông Cánh Gián (ông Cánh Gián là bố nuôi của ông Tịnh, bố đẻ của ông Khánh) và tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 được thực hiện theo quy định của Luật đất đai năm 1993 và Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý đất đai quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy định tại khoản 2, mục II có quy định: *“Người sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi diện tích đất đang sử dụng được thể hiện đầy đủ trên bản đồ địa chính và được ghi vào sổ địa chính”*. Như vậy, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 425, tờ bản đồ số 09, diện tích là 1350m² trong đó 360m² đất ở và 990m² đất vườn thì bà M có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận với thửa đất trên.

Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà M gồm bà M và 04 người con chung của bà M và ông Khánh sinh sống trên thửa đất trên còn bà H đã lập gia đình năm 1986 và sinh sống ở thôn Bãi Dinh, xã Ngọc Thiệu. Theo trình bày của N đơn bà H cũng thừa nhận là đất của các cụ để lại cho ông Tịnh, bà H xác định đây là tài sản chung của ông Tịnh và bà M. Khi bà H ở với bà M tài sản trên đất gồm có: 01 ngôi nhà bốn gian cấp 4 và công trình phụ nhưng hiện nay bà M đã phá đi để làm lại nhà khác. Nay bà H chỉ yêu cầu trích chia $\frac{1}{2}$ thửa đất trên mà bà H không yêu cầu trích chia các tài sản trên đất, không có yêu cầu gì khác. Đối với bị đơn bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H vì bà cho rằng ông Tịnh không để lại cho bà mảnh đất nào và diện tích đất đang tranh chấp là do bố mẹ của ông Khánh để lại cho bà và ông Khánh, khi bà lấy ông Khánh thì bố mẹ ông Khánh đã cho bà và ông Khánh diện tích đất trên.

Mặt khác, Hội đồng xét xử thấy khi ông Tịnh còn sống thì ông Tịnh và bà M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có bất cứ giấy tờ gì chứng minh ông Tịnh có quyền sử dụng đối với thửa đất trên. Ông Tịnh hy sinh năm 1972 thì theo quy định tại đoạn 2 điểm a mục 1 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: *“Đất đai thuộc quyền sở hữu toàn dân, quyền sử dụng đất được giao không phải là quyền sở hữu về tài sản của công dân nên không thể trở thành di sản khi công dân chết. Các tranh chấp về di sản có liên quan đến quyền sử dụng đất được giải quyết theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai”*. Như vậy, khi ông Tịnh chết thì diện tích đất trên không phải là di sản thừa kế.

Từ các căn cứ trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Tịnh để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất số 425, tờ bản đồ số 09,

diện tích là 1350m² trong đó 360m² đất ở và 990m² đất vườn. Xét thấy việc đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà M và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ cần được chấp nhận.

* Trong vụ án này toàn bộ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì đối với thửa đất tranh chấp yêu cầu chia của N đơn cũng như trích chia công sức đóng góp trong thời gian sống trên đất đó. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về chi phí thẩm định, định giá: Do yêu cầu khởi kiện của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu số tiền chi phí thẩm định, định giá là 5.680.000 đồng, xác nhận bà H đã nộp đủ số tiền trên.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H chia di sản thừa kế của ông Tịnh để lại là ½ diện tích thửa đất số 425, tờ bản đồ số 09, diện tích là 1350m² trong đó 360m² đất ở và 990m² đất vườn không được chấp nhận, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là:

$\frac{1}{2} 90.000.000 \text{ đồng} (360\text{m}^2 \text{ đất ở} \times 250.000 \text{ đồng/m}^2) + \frac{1}{2} 41.580.000 \text{ đồng}$
 $(990 \text{ m}^2 \text{ đất vườn} \times 42.000 \text{ đồng/m}^2) \times 5\% = \frac{1}{2} 131.580.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.289.000 \text{ đồng}.$

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 623 của Bộ luật dân sự;

Điều 2 Luật đất đai năm 1993;

Điểm a mục 1 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Khoản 3 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn bà Bùi T H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Bùi Văn Tịnh đối với bị đơn bà Thân T M là ½ diện tích thửa đất số 425, tờ bản đồ số 09, diện tích là 1350m² trong đó 360m² đất ở và 990m² đất vườn đã được Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Thân T M tại số 00854/QSDĐ ngày 10/11/1995 (Nay là thửa đất số 134, tờ bản đồ số 56, diện tích 1420,7m² trong đó 360m² đất ở và 1006,7m² đất vườn).

[2] Về chi phí thẩm định, định giá:

Bà Bùi T H phải chịu số tiền chi phí thẩm định định giá là 5.680.000 đồng (Năm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Xác nhận bà H đã nộp đủ số tiền trên.

[3] Về án phí: Bà Bùi T H phải chịu 3.289.000 đồng (Ba triệu hai trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) bà H đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0001869 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Bà H còn phải nộp số tiền chênh lệch là 1.539.000 đồng (Một triệu năm trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo:

N đơn; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của N đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn T Vân

